

KẾT LUẬN

Thanh tra việc quản lý sử dụng các nguồn ngân sách Nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2020 - 2025 tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Nam Giang

Thực hiện Quyết định số 202/QĐ-TTTP ngày 17/9/2025 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng về thanh tra việc quản lý sử dụng các nguồn ngân sách Nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2020 - 2025 tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang (thuộc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam). Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang (viết tắt: BQL) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra từ ngày 17/9/2025 đến ngày 14/11/2025. Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 03/12/2025 của Đoàn thanh tra; Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Khu vực Nam Giang cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 70 km; có Cửa khẩu quốc tế Nam Giang - Đắc Tà Ooc với đường biên giới 90,364 km, là khu vực có nhiều tuyến giao thông huyết mạch đi qua, như: Quốc lộ 14B, 14D, đường Hồ Chí Minh và đường Trường Sơn Đông. Thành phần dân tộc chủ yếu Cơ tu, Giẻ Triêng (gồm: Ve, Tà riêng), kinh; tỷ lệ dân tộc thiểu số trong khu vực Nam Giang chiếm trên 80%.

Có 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Nam Giang cũ gồm các xã: Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Êê, La Êê, trong đó, có 3 xã: Đắc Pring, La Êê, La Êê nằm trong khu vực biên giới. Trong thời gian qua, nhờ triển khai hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, tỉnh Quảng Nam cũ, huyện cũ và các chế độ chính sách có liên quan, tình hình văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh được giữ vững ổn định, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Không thực hiện kiểm tra, đối chiếu công tác quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí Quản lý dự án (viết tắt: Quản lý dự án thành QLDA) và các nguồn thu khác năm 2020, năm 2022 của BQL vì đã được Thanh tra tỉnh Quảng Nam¹, Thanh tra Sở Tài chính² thanh tra và đã có kết luận thanh tra. Đối với năm 2021 thì BQL không cung cấp hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán, với nguyên do: Giám đốc và kế

¹ Thanh tra tỉnh Quảng Nam có Kết luận thanh tra số 06/KL-TTT ngày 09/7/2021 về công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2016 đến 2020 tại UBND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

² Thanh tra Sở Tài chính có Kết luận số 284/STC-TTr ngày 28/8/2023 về thanh tra công tác quản lý tài chính - ngân sách tại huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam năm 2022.

toán cũ của BQL đang bị tạm giữ để phục vụ công tác điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng; hồ sơ, sổ sách chứng từ trong kho lưu trữ quá nhiều và không ngăn nắp nên việc tìm kiếm khó khăn. Vì vậy, không có cơ sở để kiểm tra và đối chiếu công tác quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí QLDA và các nguồn thu khác của năm 2021. Không thực hiện việc kiểm tra công tác đấu thầu và lựa chọn nhà thầu từ năm 2020 đến 2025 vì số lượng công trình kiểm tra nhiều³ nên việc cung cấp hồ sơ của BQL chưa kịp thời, kèm theo thời tiết không thuận lợi làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh tra của Đoàn thanh tra. BQL chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc không cung cấp các hồ sơ, sổ sách và chứng từ nêu trên.

Đối với công tác quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí quản lý dự án và các nguồn thu khác chỉ kiểm tra, đối chiếu sổ sách, chứng từ kế toán liên quan đến trong 3 năm (từ năm 2023 đến 30/6/2025) do BQL cung cấp; hồ sơ quyết toán; kết quả tính toán số liệu, giá trị khối lượng xây dựng cơ bản (viết tắt: xây dựng cơ bản thành XDCB) hoàn thành có liên quan đến 14/15 công trình được chọn kiểm tra. Căn cứ trên Báo cáo số 37/BC-BQL ngày 22/9/2025 về tình hình quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2020 đến 2025 tại BQL và Báo cáo số 44/BC-BQL ngày 02/10/2025 về cung cấp thông tin kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án để xem xét tình hình thanh quyết toán, tạm ứng, nợ vốn đầu tư XDCB, thực hiện vốn đầu tư, công tác giám sát, đánh giá đầu tư công từ năm 2021 đến năm 2025. Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. Tình hình thanh quyết toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2021 đến năm 2025 (Phụ lục 01 kèm theo)

Năm 2021: Tổng số 33 dự án, công trình đã quyết toán; giá trị quyết toán XDCB hoàn thành 87.666,218 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành được quyết toán.

Năm 2022: Tổng số 18 dự án, công trình đã quyết toán; giá trị quyết toán XDCB hoàn thành 82.021,218 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành được quyết toán.

Năm 2023: Tổng số 20 dự án, công trình đã quyết toán; giá trị quyết toán XDCB hoàn thành 40.658,433 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành được quyết toán.

Năm 2024: Tổng số 12 dự án, công trình đã quyết toán; giá trị quyết toán XDCB hoàn thành 36.077,958 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân thanh toán 98,62% giá trị khối lượng hoàn thành được quyết toán.

Năm 2025: Tổng số 52 dự án, công trình đã quyết toán; giá trị quyết toán XDCB hoàn thành 166.295,546 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân thanh toán 97,23% giá trị khối lượng hoàn thành được quyết toán.

³ Theo Báo cáo số 37/BC-BQL ngày 22/9/2025 về tình hình quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2020 đến 2025 tại BQL làm Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư là: 206 công trình.

Công tác quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công tại BQL được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định và được kiểm soát thanh toán qua kho bạc Nhà nước, đảm bảo hồ sơ thủ tục theo chế độ quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Tuy nhiên, một số công trình đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán dự án hoàn thành. Nguyên nhân: một số nhà thầu xây lắp chậm phối hợp với chủ đầu tư để thực hiện quyết toán, một số dự án đã hoàn thành thủ tục trình quyết toán nhưng do sắp nhập 2 cấp nên tạm dừng thực hiện quyết toán, một số dự án đang thực hiện công tác kiểm toán độc lập, một số dự án có phương án bồi thường giải phóng mặt bằng chưa được phê duyệt nên không trình được quyết toán tổng thể dự án. Tại thời điểm kiểm tra, có 25 công trình đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán dự án hoàn thành đúng thời hạn. (Phụ lục 02 kèm theo)

2. Tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư XD CB

Tổng nợ tạm ứng vốn đầu tư XD CB tính đến ngày 30/6/2025 với số tiền: 47.752,36 triệu đồng (ngân sách Trung ương: 28.459,82 triệu đồng, ngân sách thành phố (ngân sách tỉnh và huyện trước đây): 19.275,54 triệu đồng). Trong đó, có 24 công trình đã quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa thu hồi tạm ứng; 11 công trình khởi công mới đã có khối lượng thu hồi tạm ứng nhưng đơn vị chưa thực hiện thu hồi tạm ứng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trong số 24 công trình đã quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa thu hồi tạm ứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đang tiến hành điều tra tình hình thu hồi tạm ứng đối với Công trình Đường giao thông Trung tâm hành chính huyện Nam Giang (cũ) với số nợ tạm ứng vốn chưa thu hồi: 9.496,548 triệu đồng. (Phụ lục 03 kèm theo)

3. Tình hình nợ vốn đầu tư XD CB các dự án hoàn thành

Nợ vốn đầu tư XD CB các dự án hoàn thành trong giai đoạn từ năm 2021 đến 2025 giảm dần qua các năm. Tổng nợ XD CB tính đến ngày 31/8/2025 là 1.240,75 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương nợ 30 công trình với số tiền: 196,55 triệu đồng ngân sách địa phương nợ 50 công trình với số tiền: 1.044,2 triệu đồng. (Phụ lục 04 kèm theo)

4. Công tác thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; công tác giám sát và đánh giá đầu tư công

a) Kế hoạch vốn đầu tư công

HĐND và UBND huyện Nam Giang (cũ) thực hiện lập, trình, phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cơ bản đảm bảo theo Điều 62 và Điều 67 Luật Đầu tư công năm 2019. Tuy nhiên, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện Nam Giang (cũ) phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 trễ hơn 02 ngày so với quy định (trước ngày 20/12 hàng năm) tại khoản 3 Điều 63 Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Công tác thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công

Việc thông báo hoặc quyết định của UBND huyện Nam Giang (cũ) giao kế hoạch đầu tư công cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 63 và điểm a khoản 1 Điều 65 Luật Đầu tư công năm 2019.

Việc kiểm tra tiến độ thực hiện đối với một số công trình so với quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Luật Đầu tư công năm 2019: Tại Công văn số 44/BC-BQL ngày 02/10/2025 của BQL thì trong quá trình thực hiện công tác đầu tư xây dựng các dự án giai đoạn 2020-2025 có một số dự án thực hiện chậm tiến độ so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vấn đề trên là do vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư về các nội dung phê duyệt hồ sơ trích đo địa chính. Cụ thể: Công trình đường Giao thông nội bộ kết hợp kè suối Khe Diêng, Công trình Nghĩa trang nhân dân thị trấn Thanh Mỹ, Công trình Nâng cấp mở rộng đường vào khu du lịch thác GRăng, thôn A Liêng, xã Tà Bhing.

Việc thực hiện giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của UBND huyện Nam Giang (cũ) giải ngân vốn đầu tư công chưa cao, tỷ lệ giải ngân thấp, tập trung vào các năm 2023, 2024, 2025 là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019. Cụ thể: kết quả giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn là 839.188/1.339.177 triệu đồng chiếm tỷ lệ 63%; kết quả giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm lần lượt như sau: Năm 2021 tỷ lệ giải ngân đạt 99% (100.694/101.932 triệu đồng); Năm 2022 tỷ lệ giải ngân đạt 65% (156.483/240.280 triệu đồng); Năm 2023 tỷ lệ giải ngân đạt 79% (278.475/352.307 triệu đồng); Năm 2024 tỷ lệ giải ngân đạt 75% (227.184/303.669 triệu đồng); Tháng 6 năm 2025 tỷ lệ giải ngân đạt 22% (76.352/340.989 triệu đồng).

c) Công tác giám sát và đánh giá đầu tư công

- Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án được lồng ghép trong quá trình tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn.

- Công tác đánh giá kế hoạch đầu tư: UBND huyện Nam Giang (cũ) chưa thực hiện công tác đánh giá giữa kỳ đối với kế hoạch đầu tư trung hạn 2020-2025, chưa thực hiện đánh giá định kỳ hàng quý và hàng năm đối với kế hoạch đầu tư hàng năm kể từ 2021 đến thời điểm hiện nay được quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Công tác đánh giá chương trình, dự án: BQL đã thực hiện báo cáo đánh giá kết thúc đầu tư các dự án theo quy định tại Điều 72, 73 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 55 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (kết quả kiểm tra 14 công trình thuộc dự án nhóm C đã phê duyệt quyết toán).

5. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí quản lý dự án và các nguồn thu khác

a) Tình hình sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí tại BQL

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn kinh phí	Kinh phí năm trước chuyển sang	Kinh phí được trích; ngân sách cấp và thu khác trong năm	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí đã sử dụng và quyết toán	Kinh phí chuyển năm sau
Năm 2023	3.750.506.099	6.808.318.051	10.558.824.150	7.698.465.391	2.860.358.759
1. Nguồn kinh phí QLDA	3.750.506.099	5.301.577.000	9.052.083.099	6.191.724.340	2.860.358.759
2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC	0	1.303.407.000	1.303.407.000	1.303.407.000	0
3. Nguồn bán HSMT	0	0	0	0	0
4. Nguồn thu khác (TVGS, khác...)	0	203.334.051	203.334.051	203.334.051	0
5. Nguồn NS huyện cấp	0	0	0	0	0
Năm 2024	2.860.358.759	11.275.812.568	14.136.171.327	11.665.151.661	2.471.019.666
1. Nguồn kinh phí QLDA	2.860.358.759	10.858.029.000	13.718.387.759	11.247.368.093	2.471.019.666
2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC	0	174.631.723	174.631.723	174.631.723	0
3. Nguồn thu khác (TVGS, khác...)	0	243.151.845	243.151.845	243.151.845	0
Năm 2025	2.471.019.666	3.764.784.000	6.235.803.666	4.954.849.556	1.280.954.110
1. Nguồn kinh phí QLDA	2.471.019.666	3.718.054.000	6.189.073.666	4.908.119.556	1.280.954.110
2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC	0	0	0	0	0
3. Nguồn thu khác (TVGS, khác...)	0	46.730.000	46.730.000	46.730.000	0

b) Kết quả kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu quản lý dự án và nguồn thu quản lý dịch vụ năm 2023, 2024

b.1) Nguồn thu từ hoạt động tư vấn

BQL đã kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với NSNN đối với nguồn thu tư vấn lập phương án bồi thường của các công trình năm 2023, 2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Mục 2 Thông tư số 219/TT-BTC và khoản 5 Điều 3 Chương II Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

b.2) Nguồn thu quản lý dự án

Trong năm 2023, 2024 BQL thực hiện các thủ tục về lập dự toán, quyết toán nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 và Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ Tài

chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của chủ đầu tư, ban quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Thông tư 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

b.3) Việc quản lý, sử dụng các quỹ tại BQL

Năm 2023, 2024, BQL thực hiện quản lý, sử dụng các quỹ của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 14 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, việc trích lập, sử dụng các quỹ của đơn vị vẫn tồn tại, thiếu sót sau:

- Số tiền chênh lệch thu chi thường xuyên năm 2023 sau khi trích lập vào các quỹ đơn vị còn thừa với số tiền: 84.908.000 đồng, đơn vị không trích lập bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp mà sử dụng để thanh toán một số khoản tồn đọng của năm 2023⁴ là không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- BQL sử dụng quỹ phúc lợi để chi hỗ trợ viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn năm 2023 tại Phiếu chi số 136 ngày 15/9/2023, số tiền: 7.200.000 đồng⁵ là không đúng theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

6. Việc chấp hành pháp luật, chế độ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Căn cứ hồ sơ, tài liệu do BQL cung cấp, tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ quản lý dự án đầu tư xây dựng của 15 công trình (*Phụ lục 05 kèm theo*). Trong đó, có 01 công trình các đơn vị có liên quan thống nhất không tiến hành thanh tra đối với công trình Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới (trước Huyện ủy - HĐND-UBND huyện) do BQL làm chủ đầu tư vì thời tiết mưa lớn, việc kiểm tra thực tế gặp khó khăn, không thể tiến hành công tác kiểm tra và đo đếm. Mặt khác, hiện nay một số hạng mục của công trình đã không còn nguyên hiện trạng theo bản vẽ hoàn công như vỉa hè, một số hố trồng cây, biển báo, hố ga vì đang triển khai thi công Công trình Đường giao thông nội bộ kết hợp kè gia cố taluy suối Khe Điêng khu trung tâm hành chính huyện Nam Giang. Vì vậy, các hạng mục bị hư hỏng, không còn nguyên trạng hoàn công của công trình. Đề nghị

⁴ Cụ thể: Nộp tiền thuế GTGT, TNDN đối với nguồn thu hoạt động của công tác thực hiện BT, HT, TĐC với số tiền 76.516.000 đồng tại các UNC số 6 ngày 08/01/2024, số 7 ngày 08/01/2024, số 10 ngày 11/01/2024; chuyển kinh phí Ban chỉ đạo thực hiện BT, HT, TĐC với số tiền: 8.392.000 đồng theo Quyết định 2463/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND huyện Nam Giang tại Giấy rút vốn số 2 ngày 23/01/2024.

⁵ Đây là khoản học phí tham gia 04 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như xây dựng - tư vấn giám sát, đấu thầu qua mạng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, bồi dưỡng ngạch chuyên viên của ông Bh Nưốc Mão.

BQL chỉ đạo đơn vị có liên quan khắc phục đảm bảo theo yêu cầu và theo dõi, giám sát công tác khắc phục nêu trên.

Qua kiểm tra tại 14 công trình cho thấy: các đơn vị thi công đã tiến hành lập đầy đủ bản vẽ hoàn công các hạng mục của các công trình. Các bản vẽ hoàn công cơ bản phù hợp với thiết kế được duyệt và các nội dung được điều chỉnh, bổ sung. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và các đơn vị thi công cơ bản đã chấp hành các quy định về nghiệm thu từng phần và nghiệm thu công trình hoàn thành. Hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện cơ bản đúng các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, vẫn còn một số công trình thi công chưa đúng thiết kế được duyệt; công tác giám sát kỹ thuật thi công chưa chặt chẽ; công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng XDChB hoàn thành và lập khối lượng thanh quyết toán vượt so với thực tế thi công, cụ thể: 14/14 công trình có khối lượng nghiệm thu, thanh quyết toán XDChB hoàn thành vượt so với khối lượng thực tế thi công, giá trị xây lắp trước thuế với số tiền: 875.320.835 đồng (*Phụ lục 06 kèm theo*). Riêng Công trình Đường và cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Giằng xã Cà Dy không thực hiện việc đo đếm, kiểm tra kết cấu và chất lượng của hạng mục cầu treo.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản có hiệu quả; thực hiện đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Các dự án đầu tư khi hoàn thành đã tạo thuận lợi cho việc đi lại, học tập, sinh hoạt của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực trên địa bàn đầu tư nói riêng và của thành phố nói chung. Công tác quản lý đầu tư, xây dựng ngày một hoàn thiện và được quan tâm đúng mức, đảm bảo theo các quy định của Nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư XDChB tại BQL vẫn còn những tồn tại, thiếu sót sau:

a) Công tác tạm ứng, thu hồi tạm ứng và nợ vốn đầu tư XDChB

- Chưa thu hồi hết tạm ứng một số công trình đã quyết toán vốn đầu tư XDChB và một số công trình đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đã đưa vào sử dụng nhưng BQL chưa thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

- Đến thời điểm hiện nay, vẫn còn nợ vốn đầu tư XDChB các dự án hoàn thành.

b) Công tác thực hiện kế hoạch vốn đầu tư; công tác giám sát và đánh giá đầu tư

- Việc ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện Nam Giang (cũ) trễ hơn 02 ngày so với quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật

Đầu tư công năm 2019. Trách nhiệm này thuộc về HĐND huyện Nam Giang (cũ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc một số dự án thực hiện chậm tiến độ so với kế hoạch được duyệt là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Luật Đầu tư công năm 2019. Trách nhiệm này thuộc về UBND huyện Nam Giang (cũ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc thực hiện giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của UBND huyện Nam Giang (cũ) chưa cao, tỷ lệ giải ngân thấp là không đúng quy định tại Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019. Trách nhiệm này thuộc về UBND huyện Nam Giang (cũ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- UBND huyện Nam Giang (cũ) chưa thực hiện công tác đánh giá giữa kỳ đối với kế hoạch đầu tư trung hạn 2020-2025, chưa thực hiện đánh giá định kỳ hằng quý và hàng năm đối với kế hoạch đầu tư hàng năm kể từ 2021 đến thời điểm hiện nay là không đúng quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư công năm 2019. Trách nhiệm này thuộc về UBND huyện Nam Giang (cũ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Việc quản lý, sử dụng nguồn thu quản lý dự án và nguồn thu quản lý dịch vụ năm 2023, 2024

- Việc không trích lập bổ sung số tiền: 84.908.000 đồng vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp mà sử dụng để thanh toán một số khoản tồn đọng của năm 2023 là không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng của BQL giai đoạn năm 2023, 2024.

- Việc sử dụng quỹ phúc lợi để chi hỗ trợ viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn năm 2023 là không đúng theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng của BQL giai đoạn 2023.

d) Việc chấp hành pháp luật, chế độ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Công tác thi công, giám sát, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng XD CB hoàn thành tại 14/14 công trình vượt so với thực tế thi công với số tiền: 875.320.835 đồng (Phụ lục 06 kèm theo). Trách nhiệm này thuộc về Chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố

Chỉ đạo Sở Tài chính căn cứ vào tình hình ngân sách thành phố, phân bổ vốn về đầu tư XD CB để giải quyết các khoản nợ vốn đầu tư XD CB tại các dự án hoàn thành của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang.

2. Xử lý về hành chính

a) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang

- Đề nghị chấp hành nghiêm các quy định về quản lý đầu tư XD CB, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với công chức, viên chức, nhân viên được phân công quản lý dự án; ngăn ngừa tiêu cực, lãng phí trong quản lý đầu tư.

- Thu hồi tạm ứng đối với các công trình đã quyết toán vốn đầu tư XD CB nhưng chưa thu hồi hết tạm ứng và nộp trả ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

- Thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định đối với các công trình đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu khắc phục những tồn tại, sai phạm và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí QLDA như kết quả thanh tra đã nêu.

- Có trách nhiệm đôn đốc, thu hồi nộp vào NSNN các khoản tiền sai phạm của các đơn vị thi công các công trình do mình làm chủ đầu tư.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu nộp NSNN số tiền sai phạm theo Kết luận thanh tra.

b) Đối với Giám đốc và Kế toán trưởng của BQL giai đoạn năm 2023, 2024

Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí QLDA như kết quả thanh tra đã nêu.

3. Xử lý về kinh tế (Phụ lục 07 kèm theo)

a) Chấn chỉnh về việc không trích lập vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp mà sử dụng để thanh toán một số khoản tồn đọng của năm 2023 của BQL với số tiền: 84.908.000 đồng.

b) Thu hồi nộp NSNN số tiền: **882.520.835** đồng, trong đó:

* Sai phạm trong quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi để chi hỗ trợ viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn năm 2023 với số tiền: 7.200.000 đồng.

* Sai phạm trong công tác thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình XD CB với số tiền: 875.320.835 đồng, cụ thể:

- Công trình Đường giao thông nông thôn thôn 56A-56B xã Đắc Pre với số tiền: 34.110.000 đồng, cụ thể:

+ Công ty TNHH MTV Thương mại & Xây dựng 24-4 thi công với số tiền: 12.575.000 đồng.

+ Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Phước Sơn thi công với số tiền: 21.535.000 đồng.

- Công trình Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vâng do Công ty TNHH Tiến Lợi thi công (nhà thầu chính) với số tiền: 62.251.000 đồng.

- Công trình Kiên cố hóa tuyến đường ĐH3.NG, hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường, lề đường và mương thoát nước hở do Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành thi công với số tiền: 324.800.000 đồng.

- Công trình Đường giao thông nông thôn vào khu sản xuất thôn Ga lê do Công ty TNHH Xây dựng & Dịch vụ Đất Quảng thi công với số tiền: 31.629.000 đồng.

- Công trình Đường giao thông nông thôn thôn 48 - 49A xã Đắc Pring do Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng 26-3 thi công với số tiền: 61.840.000 đồng.

- Công trình Kiên cố hóa đường giao thông đến Trung tâm xã ĐH4.NG (Km64 - La ê ê chợ chun) do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phú Toàn thi công với số tiền: 35.245.835 đồng.

- Công trình Đường ra vùng sản xuất Pà Ong, xã Ca Dy do Công ty TNHH Tiến Lợi thi công với số tiền: 19.460.000 đồng.

- Công trình Đường và Cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Giăng, xã Cà Dy do Công ty TNHH MTV Thủy Tiên Phú 77 thi công với số tiền: 89.154.000 đồng.

- Công trình Đường giao thông từ QL14D nối đường liên thôn La Bơ do Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Tâm Tiến thi công với số tiền: 30.403.000 đồng.

- Công trình Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn xã Đắc tôi với số tiền: 103.685.000 đồng, cụ thể:

+ Công ty TNHH MTV Thương mại & Xây dựng 24-4 thi công với số tiền: 33.576.000 đồng.

+ Công ty Cổ phần xây dựng 368 Trường Sơn thi công với số tiền: 70.109.000 đồng.

- Công trình Trường PTDT bán trú tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun, Hạng mục: Sân nền, nhà đa năng, khối hiệu bộ do Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng Liên Việt thi công với số tiền: 11.221.000 đồng.

- Công trình Trường PTDT bán trú tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun, Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên do Công ty TNHH Phước Hải thi công với số tiền: 14.633.000 đồng.

- Công trình Trường tiểu học Tà Bhing, Hạng mục: 08 phòng học (gồm 2 phòng chức năng, 6 phòng học), tường rào, cổng ngõ, sân nền do Công ty TNHH Phước Hải thi công với số tiền: 46.362.000 đồng.

- Công trình Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thạnh Mỹ, thị trấn Thạnh Mỹ do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại & Dịch vụ Minh Đạt thi công với số tiền: 10.527.000 đồng.

Yêu cầu Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện kết luận thanh tra, bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng thời hạn (theo quy định tại Điều 54 của Luật Thanh tra năm 2025) và thu hồi tất cả các khoản tiền sai phạm nêu trên nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố trước ngày 30/01/2026 (Tài khoản tạm giữ của

Thanh tra thành phố Đà Nẵng: 3949.0.1010210.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII).

4. Giao Phòng Giám sát, kiểm tra, thẩm định và xử lý sau thanh tra

Theo dõi và đôn đốc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc quản lý sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2020 - 2025 tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra thành phố trước ngày **30/01/2026**./. 

Nơi nhân:

- TTCP, Cục II - TTCP (b/cáo);
- TT HOND và UBND tp (b/cáo);
- UBND Thành ủy (theo dõi);
- Ban Tổ chức Thành ủy (theo dõi);
- Ban Nội chính Thành ủy (theo dõi);
- BQL DA ĐTXD tỉnh Quảng Nam (theo dõi và chỉ đạo);
- BQL DA ĐTXD Khu vực Nam Giang (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTTTr, GS, KT, TĐ & XLSTT.

- TT HĐND và UBND tp (b/cáo):

- UBKT Thành ủy (theo dõi);

- Ban Tổ chức Thành ủy (theo dõi);

- Ban Nội chính Thành ủy (theo dõi);

- BQL DA ĐTXD tỉnh Quảng Nam (theo dõi và chỉ đạo);

- BQL DA ĐTXD Khu vực Nam Giang (thực hiện);

- Lưu: VT, ĐTTTr, GS, KT, TĐ&XLSTT.

CHÁNH THANH TRA





PHỤ LỤC 01
(kèm theo KLTT số 6/1863 /KL-TTTP ngày 29 /12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

TÌNH HÌNH THANH QUYẾT TOÁN CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ 2021 ĐẾN 2025

dvt:đồng

TT	Nội dung	Giá trị quyết toán được phê duyệt/ quyết toán A-B	Tổng giải ngân KHV Vốn 2020-2025			Tỷ lệ %
			Tổng	Vốn TW	Vốn Tỉnh	
NĂM 2021						
	Công trình đã quyết toán	87,666,218,000	87,664,427,000	27,997,983,000	59,666,444,000	100%
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thanh Mỹ 3 thị trấn Thanh Mỹ	991,036,000	991,036,000	0	991,036,000	100%
2	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất xã Đắc Pring (Gd1); HM: Nền, mặt đường và công trình	4,353,000,000	4,353,000,000	0	4,353,000,000	100%
3	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất xã Đắc Pre; HM: Nền, mặt đường và công trình	3,606,000,000	3,606,000,000	0	3,606,000,000	100%
4	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Nam Giang	8,786,440,000	8,786,440,000	0	8,786,440,000	100%
5	Trường mẫu giáo xã Chợ Chun, điểm trường chính	5,806,485,000	5,806,485,000	5,531,129,000	275,356,000	100%
6	Trụ sở UBND xã Tà pơ; HM: Kè chắn đất	615,762,000	615,762,000	0	615,762,000	100%
7	Trường Tiểu học Thanh Mỹ;HM: Nhà ăn, nhà công vụ, nhà xe, tường rào, sân vườn	4,217,357,000	4,217,357,000	0	4,217,357,000	100%
8	Trường THCS La Dê;HM: 04 phòng chức năng	3,054,149,000	3,054,149,000	2,748,734,000	305,415,000	100%
9	Trường PTDTBT TH Chà Vải; HM: 04 phòng công vụ, bê tông đường nội bộ	1,076,471,000	1,076,471,000	995,000,000	81,471,000	100%
10	Trường PTDT NT THCS Nam Giang; HM: xây mới khối nội trú học sinh 16 phòng	4,842,705,000	4,842,705,000	0	4,842,705,000	100%
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pà Lanh, xã Cà Dy	1,178,228,000	1,178,228,000	0	1,178,228,000	100%
12	Nhà văn hóa thôn A Bát, xã Chà Vải	801,063,000	801,063,000	418,000,000	383,063,000	100%
13	Kè chắn đất, mương thoát nước khu TĐC A,C đường vào SVD huyện Nam Giang	933,210,000	933,000,000	0	933,000,000	100%
14	Cầu BTCT Đol Cầm thôn Công Tơ Ron 2, xã La Dê	2,513,542,000	2,513,542,000	0	2,513,542,000	100%
15	Cầu bản qua vùng sx thôn 56B, xã Đắc Pre	2,798,000,000	2,798,000,000	0	2,798,000,000	100%
16	Cải tạo trụ sở cũ UBND huyện và UBMTTQ huyện làm trường PTDT bán trú THCS liên xã Cà DY- Tà Bìng	2,959,557,000	2,959,557,000	2,959,557,000	0	100%
17	Nhà SHCD thôn Pà Căng, xã Cà Dy	794,562,000	794,562,000	0	794,562,000	100%
18	Sạp, ki ốt chợ Thanh Mỹ	1,132,583,000	1,132,000,000	0	1,132,000,000	100%
19	Trường MG xã Đắc Pree; HM: 03 phòng học chức năng tại thôn 57	1,411,642,000	1,410,644,000	835,000,000	575,644,000	100%
20	Kè chống sạt lở trụ sở UBND xã và trường MG xã Đắc Tỏi	2,308,000,000	2,308,000,000	0	2,308,000,000	100%
21	Sân nền chợ Thanh Mỹ + Khu TĐC khu phố chợ Thanh Mỹ	2,031,000,000	2,031,000,000	0	2,031,000,000	100%
22	Trạm y tế xã Đắc Pring	3,730,321,000	3,730,321,000	0	3,730,321,000	100%

23	Sân vận động La Dê; HM: Sân vận động và công trình	1,375,341,000	1,375,341,000	738,249,000	637,092,000	100%
24	Đường giao thông nội bộ trung tâm xã La Dê	4,909,468,000	4,909,468,000	1,730,000,000	3,179,468,000	100%
25	Khu văn hóa thể thao xã Zuôi; HM: Sân nền và công trình	1,059,013,000	1,059,013,000	990,000,000	69,013,000	100%
26	Trường tiểu học Tà Bỉnh; HM: 5 phòng hiệu bộ + 02 phòng công vụ giáo viên + 01 nhà đa năng + các hạng mục phụ trợ	3,305,684,000	3,305,684,000	2,433,000,000	872,684,000	100%
27	Trường PTDTBT tiểu học liên xã La Dê-Đắc Tô; HM: Tường rào cổng ngõ, sân nền	1,746,000,000	1,746,000,000	0	1,746,000,000	100%
28	Chợ Thanh Mỹ; HM: Nhà lồng chợ	1,158,355,000	1,158,355,000	0	1,158,355,000	100%
29	Đường ra vùng sản xuất thôn A Bát, cụm Cẩn Đôn, thôn Pring; HM: Cầu BTCT và nền, mặt đường	4,446,780,000	4,446,780,000	4,019,314,000	427,466,000	100%
30	Trường THCS La Dê; HM: Khối lớp học 08 phòng	4,008,462,000	4,008,462,000	3,335,000,000	673,462,000	100%
31	Sân nền tái định cư khu C và khu D (Đường vào sân vận động huyện Nam Giang) Hạng mục: Sân nền và các công trình phụ trợ	1,113,747,000	1,113,747,000	0	1,113,747,000	100%
32	Trường cấp 2 - 3 huyện Đắc Chung; Hạng mục: khu nhà nội trú 05 phòng	2,812,917,000	2,812,917,000	0	2,812,917,000	100%
33	Nhà văn hóa xã Chợ Chun	1,789,338,000	1,789,338,000	1,265,000,000	524,338,000	100%
NĂM 2022						
	Công trình đã quyết toán	82,021,475,000	82,021,475,000	24,843,493,000	57,177,982,000	100%
1	Sân nền TĐC khu A và khu B (đường vào SVD); HM: sân nền và ct phụ trợ	1,269,362,000	1,269,362,000	0	1,269,362,000	100%
2	Đường GT nội bộ trung tâm xã Tà Bỉnh; HM: nền, mặt đường và ct	3,914,629,000	3,914,629,000	900,000,000	3,014,629,000	100%
3	Trường Tiểu học Thanh Mỹ; HM: Xây mới đường dây hạ thế cấp điện trường Tiểu học	639,091,000	639,091,000	0	639,091,000	100%
4	Trường tiểu học và THCS Tà Pơ ơ; HM: Khối hiệu bộ + 4 phòng học + 6 phòng chức năng + Nhà ăn, 4 phòng nội trú + 2 phòng công vụ giáo viên	6,564,808,000	6,564,808,000	6,126,111,000	438,697,000	100%
5	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (gd2)	9,496,367,000	9,496,367,000	0	9,496,367,000	100%
6	Trường tiểu học Tà Bỉnh, điểm trường chính; HM: Nhà ăn học sinh + WC giáo viên + 02 phòng thư viện	3,295,613,000	3,295,613,000	2,959,000,000	336,613,000	100%
7	Đường vào sân vận động huyện Nam Giang (gd1); Lý trình: KM 0+00-KM0+147,22	8,263,668,000	8,263,668,000	0	8,263,668,000	100%
8	Trường mẫu giáo Cà Dy (điểm trường chính); HM: 04 phòng học	1,707,988,000	1,707,988,000	1,523,000,000	184,988,000	100%
9	Cầu bê tông cốt thép Đắc Tà Văng; HM: Cầu và đường dẫn	2,036,829,000	2,036,829,000	0	2,036,829,000	100%
10	Trường tiểu học Chà Vải, điểm trường chính; HM: Nhà đa năng + 05 phòng hiệu bộ + Nhà ăn, bếp giáo viên	4,287,398,000	4,287,398,000	3,864,000,000	423,398,000	100%
11	Đường giao thông liên thôn và ra vùng sản xuất thôn Đắc Pênh đến thôn Đắc HLôi	5,602,272,000	5,602,272,000	5,100,000,000	502,272,000	100%
12	Sửa chữa lớn mặt đường bê tông tuyến Đắc Ốc đi Công Tờ Ron	3,653,821,000	3,653,821,000	0	3,653,821,000	100%
13	Hệ thống nước sinh hoạt liên thôn Pà Ia - Pà Xua - Pà Rông xã Tà Bỉnh (Giai đoạn 2)	2,062,566,000	2,062,566,000	1,856,309,000	206,257,000	100%
14	Trường PTDTBT tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; HM: Nhà ở công vụ + Nhà ăn, bếp + sân nền	1,735,726,000	1,735,726,000	1,602,983,000	132,743,000	100%
15	Sân vận động các hạng mục phụ trợ, đường chạy	488,319,000	488,319,000	0	488,319,000	100%

16	Khu văn hóa thể thao xã Chà Vải; HM: San nền và công trình	1,860,642,000	1,860,642,000	912,090,000	948,552,000	100%
17	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Chợ Chun; Hạng mục: San nền và nhà làm việc	5,844,731,000	5,844,731,000	0	5,844,731,000	100%
18	Tổ hợp khu văn hóa và sân vận động huyện Nam Giang	19,297,645,000	19,297,645,000	0	19,297,645,000	100%
NĂM 2023						
	Công trình đã quyết toán	40,658,433,000	40,653,941,000	29,752,425,000	10,901,516,000	100%
1	Nước sinh hoạt 4 thôn Đắc Tà Vàng, Xóm 10, Đắc Rích, Đắc Ro; HM: Đập, đường ống, bể chứa, trục vôi	3,244,889,000	3,244,000,000	2,975,000,000	269,000,000	100%
2	Tường rào, sân bê tông Trường PTDT bán trú THCS liên xã Ia Êê - Đắc Tỏi	1,086,020,000	1,086,020,000	0	1,086,020,000	100%
3	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Pà Tỏi, xã Tà Pơ	1,171,350,000	1,171,350,000	1,171,350,000	0	100%
4	Khu văn hoá xã Đắc Tỏi; HM: Tường rào, khán đài	1,079,409,000	1,079,409,000	982,000,000	97,409,000	100%
5	Trụ sở UBND xã Đắc Pre. HM: Nhà công vụ, nhà ăn, sửa chữa trụ sở cũ, sân nền, tường rào	3,771,251,000	3,771,251,000	0	3,771,251,000	100%
6	Trường THCS La Êê-Chợ Chun; HM: 10 phòng bán trú, nhà ăn, khu vệ sinh giáo viên, tường rào, sân bê tông	5,813,973,000	5,813,973,000	5,100,000,000	713,973,000	100%
7	Hệ thống nước sinh hoạt liên thôn Pà Ia - Pà Xua - Pà Rông xã Tà Bhing	4,786,830,000	4,786,830,000	4,471,000,000	315,830,000	100%
8	Trường PTDTBT tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; HM: 06 phòng bán trú, nhà vệ sinh học sinh	2,395,037,000	2,395,037,000	0	2,395,037,000	100%
9	Đường GTNT thôn Công Tờ Rơn, xã La Êê	582,017,000	582,017,000	506,102,000	75,915,000	100%
10	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ga Lêê	2,871,685,000	2,871,685,000	2,497,117,000	374,568,000	100%
11	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tà Pơ; HM: Tường rào, cổng ngõ, sân nền	1,688,594,000	1,688,594,000	1,468,342,000	220,252,000	100%
12	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Công Tờ Rơn, xã La Êê	2,351,891,000	2,351,891,000	2,043,043,000	308,848,000	100%
13	Đường GTNT thôn Pà Oai, xã La Êê (GD 1)	1,354,889,000	1,354,889,000	1,178,164,000	176,725,000	100%
14	Đường giao thông nông thôn thôn Công Dôn, xã Zuôih	1,322,670,000	1,322,670,000	1,155,000,000	167,670,000	100%
15	Đường giao thông ra vùng sản xuất xã Zuôih	2,292,022,000	2,292,022,000	1,993,063,000	298,959,000	100%
16	Đường GTNT thôn Đắc Pênh, xã La Êê	834,855,000	834,855,000	725,961,000	108,894,000	100%
17	Đường GTNT thôn Pà Dấu 1	569,263,000	569,263,000	495,000,000	74,263,000	100%
18	Đường GTNT thôn 48-49A, xã Đắc Pring	1,815,026,000	1,814,632,000	1,578,283,000	236,349,000	100%
19	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắc Tà Vàng, xã Đắc Tỏi	1,043,742,000	1,042,580,000	907,000,000	135,580,000	100%
20	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 49a, xã Đắc Pring, HM: Tường rào, cổng ngõ, nền sân	583,020,000	580,973,000	506,000,000	74,973,000	100%
NĂM 2024						
	Công trình đã quyết toán	36,077,958,000	35,579,995,266	16,492,355,266	19,087,640,000	98.62%
1	Đường GTNT khu dân cư Zà Lào, xã Chợ Chun	1,590,087,000	1,590,000,000	1,383,000,000	207,000,000	99.99%
2	Đường GTNT thôn La Bơ, xã Chà Vải	1,146,993,000	1,146,993,000	1,000,000,000	146,993,000	100%
3	Đường giao thông giãn dân và ra vùng sản xuất xã Đắc Tỏi	4,786,656,000	4,786,552,266	4,162,310,266	624,242,000	100%
4	Đường vào vùng sản xuất thôn Đắc Tà Vàng; HM: Nền, mặt đường và công trình	4,555,795,000	4,550,974,000	0	4,550,974,000	99.89%
5	Trường TH Thạnh Mỹ; HM: Nhà đa năng và 6 phòng học	5,198,391,000	5,023,764,000	0	5,023,764,000	96.64%
6	Trường Mẫu giáo thôn 47-49, xã Đắc Pring; HM: 2 phòng học	1,537,088,000	1,235,830,000	835,000,000	400,830,000	80.40%



7	Trụ sở làm việc UBND xã Zuôi; HM: Nhà công vụ, nhà ăn	2,675,840,000	2,675,080,000	0	2,675,080,000	99.97%
8	Cầu BTCT từ tổ 3 qua tổ 4, thôn Dung, thị trấn Thạnh Mỹ	1,848,518,000	1,848,518,000	1,608,000,000	240,518,000	100%
9	Đường giao thông liên thôn thôn Đắc Ốc - Công Tờ Rơn, xã La Dêê (Đoạn nối từ QL 14D đi thôn Công Tờ Rơn)	4,726,946,000	4,726,946,000	4,110,550,000	616,396,000	100%
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bắng, xã Chợ Chun; HM: Tường rào, công ngõ	583,211,000	566,905,000	506,905,000	60,000,000	97.20%
11	Trụ sở Công an xã Zuôi	4,108,854,000	4,108,854,000	0	4,108,854,000	100%
12	Trường PTDTBT THCS Liên xã La Êê-Chợ Chun	3,319,579,000	3,319,579,000	2,886,590,000	432,989,000	100%
NĂM 2025						
	Công trình đã quyết toán	166,474,545,000	161,855,470,433	65,558,315,985	96,424,530,416	97.23%
1	Trường mẫu giáo xã Đắc Pre (Điểm trường thôn 56A - 56 B); HM: Nhà ăn học sinh	746,455,000	705,527,000	623,267,000	82,260,000	94.52%
2	Trụ sở làm việc Trung tâm VH TT và TTH huyện Nam Giang (vị trí mới)	5,444,366,000	5,268,914,000	0	5,268,914,000	96.78%
3	Đường GTNT thôn Đồng Râm, thị trấn Thạnh Mỹ	335,074,000	326,333,000	291,369,000	34,964,000	97.39%
4	Đường GTNT thôn Dung, thị trấn Thạnh Mỹ	444,033,000	428,026,000	398,000,000	30,026,000	96.40%
5	Nhà kho, phòng máy phát điện, bể tổng sản nền khuôn viên Trung tâm Hội nghị huyện	1,093,000,000	800,000,000	0	800,000,000	73.19%
6	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Chợ Chun	1,036,408,000	989,574,000	0	989,574,000	95.48%
7	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã Đắc Tôi	1,116,239,000	1,049,465,000	970,000,000	79,465,000	94.02%
8	Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới (trước HU - HĐND - UBND huyện)	9,400,163,000	9,200,000,000	0	9,200,000,000	97.87%
9	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã Tà Bỉnh	1,123,128,000	1,068,081,000	967,000,000	101,081,000	95.10%
10	Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; HM: 8 phòng nội trú học sinh	2,133,162,000	2,100,000,000	0	2,100,000,000	98.45%
11	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã La Dêê	1,116,689,000	1,050,856,000	971,000,000	79,856,000	94.10%
12	Đường ra vùng sản xuất thôn Cồn Zốt 2, xã Chợ Chun	3,487,086,000	3,440,499,000	0	3,440,499,000	98.66%
13	Nhà văn hóa thôn Hà Ra, thị trấn Thạnh Mỹ; HM: Nhà vệ sinh, tường rào, sân nền và sửa chữa nhà văn hóa	430,362,000	411,084,000	372,000,000	39,084,000	95.52%
14	Nhà văn hóa tổ dân phố Hoa, thị trấn Thạnh Mỹ; HM: Sửa chữa tường rào công ngõ, nhà vệ sinh và nhà văn hóa	328,615,000	313,794,000	284,000,000	29,794,000	95.49%
15	Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vàng	10,231,231,000	10,231,231,000	6,454,237,000	3,776,994,000	100%
16	Kiên cố hóa tuyến đường ĐH3.NG; HM: Kiên cố hóa tuyến đường, lề đường và mương thoát nước hơ	13,566,689,000	13,559,132,000	0	13,559,132,000	99.94%
17	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Pà Tôi, xã Tà Pơ	1,035,549,000	1,035,549,000	917,000,000	118,549,000	100.00%
18	Đường GTNT thôn Pa Lan, xã La Êê	763,739,000	762,276,000	664,000,000	98,276,000	99.81%
19	Trường PTDTBT TH Chà Văl; HM: Nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	1,121,507,000	1,000,000,000	0	1,000,000,000	89.17%
20	Trường MG liên xã Chà Văl - Zuôi (điểm trường thôn Pring); HM: Nhà ăn học sinh	680,839,000	652,770,000	592,000,000	60,770,000	95.88%
21	Đường ra vùng sản xuất thôn Pà Ong, xã Cà Dy	4,881,772,000	4,837,652,000	4,213,114,000	624,538,000	99.10%
22	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Dinh, xã Chà Văl	1,150,094,000	1,100,755,000	981,212,000	119,543,000	95.71%
23	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Bát, xã Chà Văl	653,982,000	617,311,000	545,000,000	72,311,000	94.39%

24	San nền khu khai thác quỹ đất quanh sân vận động, lô số CL 08-09-10	4,219,055,000	4,218,989,000	0	4,218,989,000	100%
25	Trường MG xã La Dê; HM: 4 phòng học và tường rào	2,887,576,000	2,863,857,000	2,530,626,000	333,231,000	99.18%
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tơ Pơ, xã Tà Pơ	1,045,167,000	1,044,667,000	919,000,000	125,667,000	99.95%
27	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nam Giang	1,847,523,000	1,800,000,000	0	1,800,000,000	97.43%
28	Đường GTNT thôn Pà Dấu 2	536,171,000	512,242,000	466,000,000	46,242,000	95.54%
29	Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thạnh Mỹ 2, TT Thạnh Mỹ	6,087,733,000	6,076,167,000	5,330,230,985	745,936,015	99.81%
30	Sân, đường nội bộ trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Nam Giang	1,121,000,000	1,059,459,000	0	1,059,459,000	94.51%
31	Tường rào cổng ngõ UBND xã Chợ Chun	858,000,000	800,000,000	0	800,000,000	93.24%
32	Sân luyện tập thể dục - thể thao Trường PTDTBT THCS liên xã La Dê - Đắc Tỏi	1,079,312,000	945,404,000	0	945,404,000	87.59%
33	Trường PTDT bán trú Tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun; HM: San nền, nhà đa năng, khối hiệu bộ	6,040,085,000	5,662,301,000	0	5,662,301,000	93.75%
34	Nâng cấp, cải tạo chợ Thạnh Mỹ	799,987,000	794,511,000	696,000,000	98,511,000	99.32%
35	Khu tái định cư Đắc Brás, thôn Đắc Óc, La Dê; Hm: Kè gia cố taluy bảo vệ, hệ thống mương thoát nước kết nối với khu vực hiện trạng	966,647,000	911,027,000	0	911,027,000	94.25%
36	Khu tái định cư Đắc Brás, thôn Đắc Óc, La Dê	12,559,589,000	12,432,213,033	0	12,559,589,001	98.99%
37	Đường vào chợ Thạnh Mỹ (nút N9-N7-N6); HM: nền, mặt đường và công trình	2,835,000,000	2,469,979,000	0	2,469,979,000	87.12%
38	Kiên cố hóa đường GTNT xã Đắc Tỏi	5,652,659,000	5,540,656,000	0	5,540,656,000	98.02%
39	Trường Mẫu giáo liên xã Tà Bỉnh-Tà Pơ, hạng mục: 10 phòng học, 4 phòng công vụ, khu VS giáo viên, nhà xe, tường rào, sân bê tông, nhà ăn, nhà bếp	9,643,550,000	9,643,550,000	7,650,000,000	1,993,550,000	100%
40	Trung tâm hội nghị huyện Nam Giang	9,121,941,000	8,430,615,400	0	8,430,615,400	92.42%
41	Đường giao thông từ Quốc Lộ 14D nối đường liên thôn La Bơ - Xã Chà Val (từ Quốc Lộ 14D thôn A Dinh đi đường liên thôn thôn La Bơ)	4,684,687,000	4,560,830,000	4,107,830,000	453,000,000	97.36%
42	Đường và cầu treo ra vùng sản xuất thôn bến Giăng, xã Cà Dy	4,879,264,000	4,827,885,000	4,225,885,000	602,000,000	98.95%
43	Đường GTNT thôn 56A-56B, xã Đắc Pre	4,224,651,000	4,191,934,000	3,649,128,000	542,806,000	99.23%
44	Đường giao thông nông thôn thôn Hà Ra, thị trấn Thạnh Mỹ	655,077,000	591,166,000	521,166,000	70,000,000	90.24%
45	Trường tiểu học Tà Bỉnh (điểm trường chính) HM: 08 phòng (gồm 2 phòng chức năng và 6 phòng học), tường rào cổng ngõ, sân nền	4,791,489,000	4,791,489,000	4,156,000,000	635,489,000	100%
46	Trường tiểu học Cà Dy; HM: Nhà đa năng, sân nền, tường rào, cổng ngõ	2,701,428,000	2,528,391,000	2,191,727,000	336,664,000	93.59%
47	Trường PTDTBT Tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun; HM: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên	5,542,737,000	5,123,955,000	4,440,000,000	683,955,000	92.44%



48	Kiên cố hóa đường giao thông đến trung tâm xã. ĐH4.NG (Km64 - La Êê - Chơ Chun)	2,967,406,000	2,805,339,000	2,426,524,000	378,815,000	94.54%
49	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 47, xã Đắc Pring; HM: San nền, cống thoát nước, kè chống sạt lở	519,291,000	516,667,000	480,000,000	36,667,000	99.49%
50	Trường mẫu giáo Liên xã La Êê - Đắc Tôi; HM: 02 phòng học và khu hành chính quản trị	2,897,261,000	2,863,246,000	2,525,000,000	338,246,000	98.83%
51	Trường Tiểu học liên xã La Êê - Chơ Chun (điểm trường thôn Côn Zốt 1); hạng mục 02 phòng học	1,026,975,000	993,102,000	0	993,102,000	96.70%
52	Trụ sở UBND xã La Êê; HM: Sửa chữa, nâng cấp trụ sở	1,963,102,000	1,907,000,000	0	1,907,000,000	97.14%



PHỤ LỤC 02

(kèm theo KL-TT số 1863/KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẠM QUYẾT TOÁN

TT	Tên dự án; Hạng mục công trình	Dự toán được duyệt	MÃ SỐ DỰ ÁN
1	Khu văn hóa thể thao xã Chợ Chun; Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, khán đài, sân bóng đá, bóng chuyền	1,667,000,000	7925637
2	Đường giao thông liên xã Đắc Pre - Đắc Pring (ĐH3.NG)	12,500,000,000	7977658
3	Đường giao thông từ Quốc Lộ 14D nối đường liên thôn Đắc Ốc - Xã La Êê (từ Quốc Lộ 14D Nhà văn hóa Đắc Ốc)	6,910,234,236	7981769
4	Đường giao thông vào thôn Blăng, xã Chợ Chun	3,500,000,000	7981770
5	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất liên thôn 57 -58 xã Đắc Pre	9,000,000,000	7983867
6	Đường giao thông vào vùng sản xuất cụm dân cư Pà Căng, thôn Pà Ong	900,000,000	7979316
7	Đường giao thông nông thôn, thôn ALiêng xã Tà Bhing (Điểm đầu nối thêm từ đường bê tông nhà ông Bling Nhã - giáp với đường thác Grăng)	1,501,000,000	7979317
8	Đường giao thông nông thôn, thôn Vĩnh, xã Tà Pơ	2,001,000,000	7979313
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 57, xã Đắc Pre; HM: Tường rào, cổng ngõ, nền sân	500,000,000	8003871
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pà Đhí, xã Zuôih; HM: Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, tường rào cổng ngõ	1,300,000,000	8003558
11	Trường Mẫu giáo liên xã Chà Vål - Zuôih (điểm trường chính) HM: Nhà ăn học sinh	701,000,000	7999735
12	Tiểu học liên xã Đắc Pre - Đắc Pring (điểm trường chính); HM: Kè chống sạt lở và đường dẫn vào trường (GD 1)	4,322,000,000	8001328
13	Trường mẫu giáo Liên xã Chà Vål - Zuôih (điểm trường thôn Công Dồn); Hm: Nhà ăn học sinh	1,000,000,000	8000536
14	Trường PTDTBT tiểu học liên xã La Êê - Đắc Tôi (điểm trường chính); HM: 04 phòng học, tường rào	2,300,000,000	7983986
15	Kiên cố hóa đường GTNT xã Zuôih	6,800,000,000	8008752
16	Kiên cố hóa đường GTNT xã Chà Vål	6,500,000,000	8008919
17	Trụ sở làm việc UBND thị trấn Thạnh Mỹ (vị trí mới)	7,100,000,000	7975668
18	Khu thể thao xã La Êê; HM: Đường vào và xung quanh khu thể thao, tường rào, cổng ngõ, mương thoát nước nội bộ, kè taluy chân tường rào, sân cầu lông, bóng chuyền	8,407,000,000	8030968
19	Kiên cố hóa đường giao thông đến trung tâm xã. ĐH3.NG (Chà Vål - Đắc Pring)	6,325,000,000	8029394

20	Kiên cố hóa đường giao thông đến trung tâm xã. ĐH2.NG (Chà Vål - Zuôih)	5,060,000,000	8029393
21	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pà Rum, xã Zuôih; HM: Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, tường rào công ngõ	1,495,000,000	8050889
22	Trụ sở Công an xã chơ chun	3,778,000,000	7004692
23	TRụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo huyện	12,000,000,000	8039141
24	San nền, bồi thường GPMB trạm y tế xã La Dêê	990,000,000	8056244
25	Hệ thống nước sinh hoạt cụm dân cư La Bơ A thôn La Bơ xã Chà Vål	1,570,259,000	8080733



PHỤ LỤC 03

(kèm theo KL/TT số 4863/KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

TÌNH HÌNH NỢ TẠM ỨNG ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/6/2025

đvt:đồng

TT	Dự án	Mã số	Năm tạm ứng	Tổng dư tạm ứng tại thời điểm báo cáo 30/06/2025			Nguyên nhân chưa thu hồi
				Tổng cộng	Ngân sách TƯ	Ngân sách TP	
	TỔNG CỘNG			47,752,360,857	28,459,816,000	19,275,544,857	
A	Công trình Quyết toán			33,382,000	18,800,000	14,582,000	
1	Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thanh Mỹ 2, thị trấn Thanh Mỹ	8030502		18,800,000			Đã quyết toán xong nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CP kiểm toán		2024	18,800,000	18,800,000		
2	Khu tái định cư Đắc Bras, thôn Đắc Ốc, La Dêê	8054763		14,582,000			Đã quyết toán xong nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CPQLDA		2025	14,582,000		14,582,000	
B	Công trình chuyển tiếp			30,300,170,810	17,590,210,000	12,709,960,810	
1	Đường Giao thông TTHC (mới) huyện Nam Giang	7548495		9,496,548,000			Nhà thầu phá sản và đang bị tạm giam để điều tra
	CP xây dựng		2019	9,496,548,000	9,496,548,000		Đã tổ chức nghiệm thu thêm đợt 9 với số tiền 769.631.000 đồng, tuy nhiên chưa làm thủ tục thu hồi
2	Đường giao thông nội bộ kết hợp kê gia cố taluy suối khe Diêng khu trung tâm hành chính huyện Nam Giang	7905194		1,109,103,600			Đã có khối lượng hoàn thành để thu hồi tạm ứng, nhưng thủ tục hồ sơ thanh toán có sai sót nên chưa hoàn thành công tác thu hồi tạm ứng
	CP xây dựng (Phú toàn)		2022	1,109,103,600		1,109,103,600	Đang làm thủ tục thanh toán, tuy nhiên do vướng sắp xếp chính quyền 2 cấp
3	Cụm công nghiệp thôn Hoa thị trấn Thanh Mỹ (giai đoạn 1); HM: San nền khu số 1 lô CN 2	7750035		579,823,000			Vướng BT, GPMB nên không thể thi công

	CP xây dựng (Song Phú)		2019	579,823,000		579,823,000	
4	Đường vào khu nguyên liệu xã Tà Bính, huyện Nam Giang	7915304		4,815,193,000			Vướng GPMB do giá trị BT, GPMB thực tế vượt so với giá trị đã phê duyệt nên cần phải thực hiện điều chỉnh dự án để chi bồi thường GPMB cho các hộ, nên nhà thầu thi công không có mặt bằng để thi công thực hiện thu hồi tạm ứng. Hiện nay đã điều chỉnh xong, đã chi tiền GPMB ngày 29/9/2025, nhà thầu bắt đầu tổ chức thi công lại
	CP xây dựng		2022	1,898,124,000		1,898,124,000	
5	Đầu tư ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư Thủy điện Sông Bung 4	7942739		4,340,800,000			Công trình vướng BT, GPMB
	CP XD (Khánh Anh)		2023	2,190,800,000	2,190,800,000		
	CP XD (Khánh Anh) gói số 2		2023	1,050,000,000	1,050,000,000		
	CP XD (Khánh Anh) gói số 5		2023	1,100,000,000	1,100,000,000		
6	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Thanh Mỹ	8,007,649		1,418,664,000			Do vướng GPMB, không có mặt bằng để thi công, đã thi công trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng, do không có khối lượng xây lắp nên chi phí giám sát công trình cũng không có khối lượng để thu hồi
	CP XD (368)	2023		1,041,213,000		1,041,213,000	
	CP XD (Tâm Tiến)	2023		303,051,000		303,051,000	
	CP giám sát	2023		74,400,000		74,400,000	
7	San nền, bồi thường GPMB trạm y tế xã La Dêê	8056244		15,697,000			Đã chi tiền cho các hộ, đã làm thủ tục thanh toán để thu hồi tạm ứng, nhưng thủ tục hồ sơ thanh toán có sai sót nên chưa hoàn thành công tác thu hồi tạm ứng
	GPMB tại QĐ 2904 ngày 28/2/2024		2025	910,000		910,000	
	CP khen thưởng		2025	14,787,000		14,787,000	

8	Đường giao thông liên xã La Ê Ê	8052692		2,407,391,000			Công trình bị vướng GPMB nên không thi công được, sau nhiều lần giải quyết không thành, huyện và các ban ngành đã thống nhất lập hồ sơ điều chỉnh lại tuyến khác để tiếp tục thực hiện
	CP XD (Khuê Trung)		2023	1,588,716,000		1,588,716,000	
	CP XD (Khuê Trung)		2023	474,365,000		474,365,000	
	CP XD (Bảo Nam Giang)		2023	49,217,000		49,217,000	
	CP XD (Bảo Nam Giang)		2023	193,293,000		193,293,000	
	CP giám sát		2023	101,800,000		101,800,000	
9	Đường và cầu thôn PÀ Oai, xã Ia Ê Ê	8065140		2,043,894,000			Đang lập thủ tục thanh toán, tuy nhiên do vướng sắp xếp chính quyền 2 cấp
	CP GS		2024	72,301,000	72,301,000		
	CP XD (Phúc An)		2024	700,000,000	700,000,000		
	CP XD (Phú Toàn)		2024	1,243,269,000	1,243,269,000		
	Kiểm toán		2025	28,324,000	28,324,000		
10	Đường dân sinh vào khu nghĩa trang nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ	8079897		782,000,000			Công trình vướng GPMB nên chưa thể triển khai thi công
	CP QLDA		2024	782,000,000	782,000,000		
11	Sắp xếp dân cư khu vực đường Trường Sơn Đông	8080577		8,104,340,855			Đã chi tiền cho các hộ, đã làm thủ tục thanh toán để thu hồi tạm ứng, nhưng thủ tục hồ sơ thanh toán có sai sót nên chưa hoàn thành công tác thu hồi tạm ứng
	CPXD (Thành Tín)		2025	200,000,000		200,000,000	
	CPXD (Gia Nguyên Phát)		2025	30,330,000		30,330,000	
	GPMB theo QĐ 1648 ngày 09/06/2025		2025	5,050,828,210		5,050,828,210	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 56A, xã Đắc Pre; HM: Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, tường rào, cổng ngõ, nền sân.	8083476		270,000,000			Công trình bị vướng GPMB nên không thi công được, sau nhiều lần giải quyết không thành nên xin được điều chỉnh sang địa điểm khác
	CP XD		2024	270,000,000	270,000,000		



13	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Cón Zốt, xã Chơ Chun: HM: NSHCD, nhà vệ sinh, tường rào	8086444		340,968,000			Công trình bị vướng GPMB nên không thi công được, sau nhiều lần giải quyết không thành nên xin được điều chỉnh sang địa điểm khác
	CP XD		2024	340,968,000	340,968,000		
14	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Pà Oai, xã La Êê	8100638		316,000,000			Đã thu hồi tạm ứng. Công trình bị vướng GPMB nên không thi công được, sau nhiều lần giải quyết không thành nên xin được điều chỉnh sang địa điểm khác
	CP XD		2024	316,000,000	316,000,000		
C	Công trình hoàn thành			2,549,303,047	495,598,000	2,036,705,047	
1	Khu xử lý rác thải Chà Vài	7955965		71,000,000			Công trình đang quyết toán hoàn thành
	CP tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp phép MT		2024	42,000,000		42,000,000	Đang làm thủ tục thu hồi
	CP kiểm toán		2024	29,000,000		29,000,000	Đang làm thủ tục thu hồi
2	Khu tái định cư thôn Tà Đắc, xã Tà Bhing	7987505		24,706,000			Dự án đang thực hiện công tác kiểm toán quyết toán độc lập
	CP kiểm toán		2024	24,706,000	24,706,000		
3	Đường giao thông từ Quốc Lộ 14D nối đường liên thôn La Bơ - xã Chà Vài (từ QL14D thôn A Dinh đi đường liên thôn La Bơ)	7977643		15,789,000			Công trình đã quyết toán
	CP kiểm toán		2025	15,789,000	15,789,000		Đang làm thủ tục thu hồi
4	Cầu kiodoc tại thôn A Xòo, xã Chơ Chun; Hạng mục: Cầu và đường dẫn vào đầu cầu	7981758		17,000,000			Do đang trong quá trình quyết toán
	CP kiểm toán		2024	17,000,000			Đang làm thủ tục thu hồi
5	Đường giao thông từ quốc lộ 14D nối đường liên thôn Đắc Ốc, xã La Dêê (từ QL 14D - nhà văn hóa Đắc Ốc)	7981769		17,000,000			Đang trình Sở Tài chính quyết toán
	Kiểm toán		2025	17,000,000		17,000,000	Đang làm thủ tục thu hồi
6	Trường PTDTBT tiểu học Cà Dy, hạng mục: San nền, xây mới khối 13 phong học, 3 phòng chức năng, 1 phòng thư viện, kê mái ta luy	7993912		130,000,000			Đã có khối lượng hoàn thành để thu hồi tạm ứng, nhưng thủ tục hồ sơ thanh toán có sai sót nên chưa hoàn thành công tác thu hồi tạm ứng
	CP xây dựng (HTG)		2022	130,000,000	130,000,000		

7	Kiên cố hoá đường GTNT xã La Dêê (năm 2022)	8008750		37,771,000			Đang thực hiện kiểm toán độc lập, chưa hoàn thành báo cáo quyết toán
	CP kiểm toán			37,771,000		37,771,000	
8	Đường và cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Giăng, xã Cà Dy	8001339		14,000,000			Đã Quyết toán
	CP kiểm toán		2024	14,000,000		14,000,000	Đang lập thủ tục thanh toán, tuy nhiên do vướng sắp xếp chính quyền 2 cấp
9	Đường ô tô lâm nghiệp liên thôn xã La Dêê. HM: mặt đường BTXM, cống, mương thoát nước	8029392		26,000,000			Do đang trong quá trình quyết toán
	CP kiểm toán		2025	26,000,000	26,000,000		Đang lập thủ tục thanh toán, tuy nhiên do vướng sắp xếp chính quyền 2 cấp
10	Khu thể thao xã La Ê Ê. HM: đường vào và xung quanh khu thể thao, tường rào, cống ngõ, mương thoát nước nội bộ, kè taluy chân tường rào, sân cầu lông, bóng chuyền	8030968		20,000,000			Đang thực hiện kiểm toán độc lập, chưa hoàn thành báo cáo quyết toán
	CP kiểm toán		2024	20,000,000	20,000,000		
11	Kiên cố hóa đường giao thông đến trung tâm xã, ĐH4.NG (Km64 La Ê - Chợ Chun)	8030499		7,800,000			Do đang trong quá trình quyết toán
	CP kiểm toán		2024	7,800,000	7,800,000		
12	Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo huyện	8039141		1,030,918,400			
	GPMB tại QĐ 1439 ngày 23/05/2025		2025	1,030,918,400		1,030,918,400	
13	Trụ sở Công an xã Đắc Pring	7004692		187,149,000			
	CPQLDA		2025	187,149,000		187,149,000	
14	Trụ sở công an xã Đắc Tỏi	7004692		186,189,000			
	CP QLDA		2025	186,189,000		186,189,000	
15	Trụ sở công an xã LA Ê	7004692		81,829,647			
	Cp QLDA		2025	81,829,647		81,829,647	
16	Đường giao thông khu TTHC mới (trước Huyện Ủy-HĐND-UBND huyện)	7771659		20,000,000			Đã quyết toán
	CP kiểm toán		2024	20,000,000		20,000,000	Đang lập thủ tục thanh toán, tuy nhiên do vướng sắp xếp chính quyền 2 cấp



17	Trường mẫu giáo liên xã Tà Bỉnh - Tà Pơr. HM: 03 phòng học bộ môn và 02 phòng công vụ giáo viên	8079898		11,293,000			Thực hiện công tác kiểm toán độc lập, sau khi quyết toán sẽ thanh toán
	CP kiểm toán		2025	11,293,000	11,293,000		
18	Trường PTDT BT THCS LX Đắc Pre- Đắc Pring. HM: Nhà đa năng và 04 phòng học bộ môn, 02 nhà vệ sinh học sinh	8081403		18,111,000			Thực hiện công tác kiểm toán độc lập, sau khi quyết toán sẽ thanh toán
	CP kiểm toán		2025	18,111,000	18,111,000		
19	Trụ sở công an xã La Dêê	7004692		218,709,000			
	CP QLDA		2025	218,709,000		218,709,000	
20	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Pà Oai, xã La Ê	8089954		150,039,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CPQLDA		2025	150,039,000		150,039,000	
21	Trường mẫu giáo Thạnh Mỹ (điểm trường chính) Hạng mục: Tường rào, sân nền	8095343		200,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CP XD (thành Tín)		2024	200,000,000	200,000,000		
22	Trường PTDTBT- TH LX La Dê-Đắc Tôi HM: Khu vệ sinh, nhà tắm học sinh, sân nền, tiểu cảnh, nước sinh hoạt	8088091		8,899,000			Thực hiện công tác kiểm toán độc lập, sau khi quyết toán sẽ thanh toán
	CP kiểm toán		2025	8,899,000	8,899,000		
23	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Công Dồn, xã Zuôi. HM: Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, tường rào, cổng ngõ	8086443		33,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CP XD (Chính Lâm)		2024	33,000,000	33,000,000		
24	Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn (GTNT) năm 2021	7918879		22,100,000			Công trình đã hoàn thành thủ tục kiểm toán, nhưng do quá trình sáp nhập 2 cấp nên ảnh hưởng đến việc thu hồi tạm ứng, hiện nay đang hoàn thiện thủ tục để thu hồi tạm ứng chi phí kiểm toán
	CP kiểm toán		2025	22,100,000		22,100,000	
D	Công trình khởi công mới			14,869,505,000	10,355,208,000	4,514,297,000	

1	Lồng ghép thực hiện công trình: Trường PTDT Nội trú THCS Nam Giang (mới). Hm: Nhà nội trú và nhà ăn, bể bơi, sân TDTT, đường chạy, sân nhảy xa	8102238		11,045,444,000			Công trình đang thi công, chưa hết hạng hợp đồng, đang thu hồi trong các lần thanh toán
	CPXD (Huy Như)		2024	4,938,500,000	4,938,500,000		
	CPXD (Song Hải Phát)		2024	235,486,000		235,486,000	
	CPXD (Minh Đạt)		2024	2,337,949,000		2,337,949,000	
	CPXD (Minh Đạt)		2024	32,682,000		32,682,000	
	CPXD (Đà Quảng)		2024	638,503,000		638,503,000	
	CPXD (Đà Quảng)		2024	606,738,000		606,738,000	
	CPXD (Đà Quảng)		2024	1,981,379,000	1,981,379,000		
	CP giám sát		2025	274,207,000		274,207,000	
2	Cầu Amó qua Mâr Loong HM: Cầu và đường dẫn vào đầu cầu	8129868		1,157,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thanh toán thu hồi giá trị tạm ứng
	CPXD		2025	1,157,000,000	1,157,000,000		
3	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Pà Ong xã Cà Dy	8135560		567,329,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thanh toán thu hồi giá trị tạm ứng
	CPXD		2025	567,329,000	567,329,000		
4	Trường PTDTBT tiểu học liên xã La Êê - Chơ Chun; HM: Tường rào, nền sân, mương thoát nước, sửa chữa khu nội trú học sinh, nhà ăn, nhà vệ sinh, khối công vụ giáo viên	8139977		33,732,000			
	CPQLDA		2025	33,732,000		33,732,000	
5	Khu tái định cư thôn Tà Đắc xã Tà Bhing; HM: Hệ thống điện hạ thế và điện chiếu sáng, nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu tái định cư	8152017		76,000,000			
	CPQLDA		2025	76,000,000		76,000,000	
6	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Công Dồn, xã Zuôih	8139210		315,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sáp nhập nên chưa thanh toán thu hồi giá trị tạm ứng
	CP XD		2025	315,000,000	315,000,000		

7	Hệ thống nước sinh hoạt thôn A Liêng xã Tà Bình	8139211		326,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thanh toán thu hồi giá trị tạm ứng
	CP XD		2025	326,000,000	326,000,000		
8	Hệ thống nước sinh hoạt cụm dân cư Cà Rùm thôn Bến Giằng, xã Cà Dy	8138457		778,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thanh toán thu hồi giá trị tạm ứng
	CP XD		2025	778,000,000	778,000,000		
9	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Cà Dy, hạng mục: Khu nội trú và nhà ăn học sinh	8152595		49,000,000			
	CP XD		2025	49,000,000		49,000,000	
10	Trường PTDTBT tiểu học Cà Dy, hạng mục: Cải tạo sân nền, tường rào	8151974		292,000,000			Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng
	CP XD		2025	292,000,000	292,000,000		
11	Các tuyến đường nội thị khu trung tâm hành chính huyện Nam Giang	8125980		230,000,000	0	230,000,000	
	Chi phí rà phá bom mìn		2025	230,000,000		230000000	Đã có khối lượng thu hồi nhưng do thời điểm sắp nhập nên chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng



PHỤ LỤC 04

(kèm theo KLTT số 136/ KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

TÌNH HÌNH NỢ VỐN ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH

TT	Danh mục dự án	Nợ khối lượng vốn đầu tư 31/8/2025			
		Tổng số	Chia ra nguồn vốn		
			TW	Thành phố	Nguồn khác
A	TỔNG CỘNG	-1,240,748,600	-196,549,000	-1,044,199,600	0
1	Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo huyện	-387,984,600	0	-387,984,600	0.000
2	Khu xử lý rác thải Chà Vål	-167,569,000	0	-167,569,000	0.000
3	Trụ sở làm việc UBND xã Zuôi, hạng mục:: nhà công vụ, nhà ăn	-760,000	0	-760,000	0.000
4	Kiên cố hóa tuyến đường DH3.NG; Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường, lề đường và mương nước hồ	-7,557,000	0	-7,557,000	0.000
5	Kiên cố hóa đường GTNT xã Zuôi	-34,000,000	0	-34,000,000	0.000
6	Kiên cố hóa đường GTNT xã Chà Vål	-32,249,000	0	-32,249,000	0.000
7	Đường giao thông liên xã Đắc Pre - Đắc Pring (ĐH3.NG)	-31,428,000	-31,428,000	0	0.000
8	Đường giao thông từ Quốc Lộ 14D nối đường liên thôn Đắc Ôc - Xã La Dê (từ Quốc Lộ 14D Nhà văn hóa Đắc Ôc)	-753,000	0	-753,000	0.000
9	Đường giao thông vào thôn Bål, xã Chơ Chun	-15,852,000	-15,852,000	0	0.000
10	Đường ra vùng sản xuất thôn Pà Ong, xã Cà Dy	-32,124,000	-32,000,000	-124,000	0.000
11	Đường dân sinh và ra vùng sản xuất liên thôn 57 -58 xã Đắc Pre	-13,019,000	-12,937,000	-82,000	0.000
12	Đường ô tô lâm nghiệp liên thôn xã Tà Bål; HM: Mặt đường BTXM, cống, mương thoát nước	-1,550,000	0	-1,550,000	0.000
13	Trường mẫu giáo Thanh Mỹ (điểm trường chính)	-834,000	-727,000	-107,000	0.000
14	Trường mẫu giáo Thanh Mỹ (điểm trường chính) Hạng mục: Tường rào, sân nền	-33,000	0	-33,000	0.000
15	Đường và cầu treo ra vùng sản xuất thôn bến Giål, xã Cà Dy	-18,426,000	0	-18,426,000	0.000



16	Đường giao thông nông thôn, thôn ALiêng xã Tà Bhing (Điểm đầu nối thêm từ đường bê tông nhà ông Bling Nhã - giáp với đường thác Grăng)	-10,411,000	0	-10,411,000	0.000
17	Đường giao thông nông thôn, thôn Vinh, xã Tà Pơ	-971,000	0	-971,000	0.000
18	Đường GTNT Xóm 10, xã Đắc Tỏi; Địa điểm: Từ nhà văn hóa thôn đến đường La La.	-1,019,000	-612,000	-407,000	0.000
19	Đường GTNT thôn 48 -49A, xã Đắc Pring; Đại điểm: Từ rẫy ông Zrâm Huân thôn 48 đến rẫy ông Hiên Nhâm thôn 49a.	-1,072,000	-567,000	-505,000	0.000
20	Đường GTNT thôn Pà Lan, xã La Êê; Địa điểm: Tuyến 1: Từ nhà ông Pơ Loong Thiều đến nhà ông A Lăng Rơng và nhà ông Bờ Nướch Trăm. Tuyến 02: Từ nhà ông BLing Tuấn đến nhà ông BLing Rươi	-1,463,000	0	-1,463,000	0.000
21	Đường giao thông nông thôn Khu dân cư Zà Lào, xã Chợ Chun; Địa điểm: Từ nhà ông Bling B Lếch đến ruộng bà Pơ Loong Non	-480,000	0	-480,000	0.000
22	Đường giao thông nông thôn thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thanh Mỹ	-1,929,000	-236,000	-1,693,000	0.000
23	Đường giao thông nông thôn thôn Hoa, thị trấn Thanh Mỹ (GĐ 1)	-1,000	-1,000	0	0.000
24	Đường giao thông nông thôn thôn Hà Ra, thị trấn Thanh Mỹ	-21,156,000	-20,466,000	-690,000	0.000
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắc Tà Vâng, xã Đắc Tỏi	-1,162,000	-602,000	-560,000	0.000
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 57, xã Đắc Pre; HM: Tường rào, cổng ngõ, nền sân	-487,000	-487,000	0	0.000
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 49a, xã Đắc Pring; HM: Tường rào, cổng ngõ, nền sân	-2,047,000	-974,000	-1,073,000	0.000
28	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Blăng, xã Chợ Chun: HM:Tường rào, cổng ngõ	-1,306,000	-235,000	-1,071,000	0.000
29	Trường Mẫu giáo liên xã Chà Vål - Zuôih (điểm trường chính) HM: Nhà ăn học sinh	-1,189,000	-34,000	-1,155,000	0.000

30	Trường PTDTBT tiểu học liên xã La Dêê - Đắc Tôi (điểm trường chính); HM: 04 phòng học, tường rào	-5,020,000	-2,496,000	-2,524,000	0.000
31	Trường tiểu học liên xã La Ê ê - Chợ chun (điểm trường thôn Côn Zốt); HM: 01 nhà vệ sinh học sinh; tường rào cổng ngõ, kè ta luy	-390,000	-110,000	-280,000	0.000
32	Nâng cấp, cải tạo chợ Thanh Mỹ	-5,835,000	0	-5,835,000	0.000
33	Trường tiểu học Cà Dy; HM: Nhà đa năng, sân nền, tường rào, cổng ngõ	-3,479,000	-3,007,000	-472,000	0.000
34	Trường PTDTBT Tiểu học liên xã La Êê - Chợ Chun; HM: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên	-6,011,000	0	-6,011,000	0.000
35	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Đắc HLôi xã La Dêê	-347,000	-163,000	-184,000	0.000
36	Hệ thống nước sinh hoạt thôn 56B xã Đắc Pre	-87,279,000	-26,397,000	-60,882,000	0.000
37	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Dinh, xã Chà Vål	-551,000	-82,000	-469,000	0.000
38	Nhà văn hóa thôn Hoa, thị trấn Thanh Mỹ; HM: Tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh	-1,821,000	0	-1,821,000	0.000
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Bát, xã Chà Vål; HM: Tường rào, cổng ngõ	-671,000	0	-671,000	0.000
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 49b, xã Đắc Pring; HM: Tường rào, cổng ngõ, nền sân	-1,699,000	-509,000	-1,190,000	0.000
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Côn Zốt, xã Chợ Chun; HM: NSHCD, nhà vệ sinh, tường rào	-3,543,000	-81,000	-3,462,000	0.000
42	Trường mẫu giáo Liên xã Tà Bhing - Tà Pơ; HM: 03 phòng học bộ môn và 02 phòng công vụ giáo viên	-5,055,000	0	-5,055,000	0.000
43	Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pre - Đắc Pring; HM: Nhà đa năng và 04 phòng học bộ môn, 02 nhà vệ sinh học sinh	-138,893,000	-110,000	-138,783,000	0.000
44	Trường mẫu giáo Liên xã La Dêê - Đắc Tôi; HM: 02 phòng học và khu hành chính quản trị	-3,202,000	0	-3,202,000	0.000
45	Trường tiểu học Cà Dy; HM: 05 phòng hiệu bộ và 03 phòng công vụ giáo viên	-77,904,000	-518,000	-77,386,000	0.000
46	Trường mẫu giáo liên xã Đắc Pring - Đắc Pre: Hạng mục: Tường rào, sân nền, kè ta luy chống sạt lở	-616,000	-615,000	-1,000	0.000
47	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã Tà Bhing	-1,128,000	-633,000	-495,000	0.000



48	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã La Dêê	-689,000	-34,000	-655,000	0.000
49	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời xã Đắc Tôi	-1,239,000	-643,000	-596,000	0.000
50	Trường PTDTBT- TH LX La Dê-Đắc Tôi HM: Khu vệ sinh, nhà tắm học sinh, sân nền, tiểu cảnh, nước sinh hoạt	-103,580,000	-43,993,000	-59,587,000	0.000
51	Đường vào vùng sản xuất thôn Đắc Tà Vâng; hạng mục: Nền, mặt đường và công trình	-821,000	0	-821,000	0.000
52	Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pring - Đắc Pre: Hạng mục: 08 phòng nội trú học sinh	-162,000	0	-162,000	0.000
53	Trụ sở Công an xã chợ chun	-475,000	0	-475,000	0.000
54	Trường PTDT BT Tiểu học Chà val. Hm: nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	-1,507,000	0	-1,507,000	0.000



PHỤ LỤC 05

(kèm theo KLTT số 1863/KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC CHỌN THANH TRA TRONG NĂM 2025

TT	Tên dự án; Hạng mục công trình đã Quyết toán	Giá trị hợp đồng xây lắp	Giá trị xây lắp đã thực hiện	Giá trị xây lắp đã thanh toán đến nay	Giá trị xây lắp được Quyết toán	Đơn vị thi công	Địa điểm
1	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ga Lêê	2,545,125,000	2,519,953,000	2,519,953,000	2,519,953,000	Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Đất Quảng	Xã Bến Giằng
2	Trường tiểu học Tà Bhing (điểm trường chính) HM: 08 phòng (gồm 2 phòng chức năng và 6 phòng học), tường rào cổng ngõ, sân nền	4,357,801,000	4,292,154,000	4,328,134,000	4,292,154,000	Công ty TNHH Phước Hải	Xã Bến Giằng
3	Đường ra vùng sản xuất thôn Pà Ong, xã Cà Dy	4,260,273,000	4,260,273,000	4,260,273,000	4,260,273,000	Cty TNHH XD Tiến Lợi	Xã Bến Giằng
4	Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thạnh Mỹ 2, TT Thạnh Mỹ	5,450,042,000	5,320,269,000	5,350,284,000	5,320,269,000	Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Minh Đạt	Xã Thạnh Mỹ
5	Kiên cố hóa đường GTNT xã Đắc Tỏi	5,051,187,000	3,099,631,000	4,930,076,000	3,099,631,000	Công ty Cổ phần Xây dựng 368 Trường Sơn và Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng 24-4	Xã Đắc Pring
6	Đường GTNT thôn 48-49A, xã Đắc Pring	1,568,292,000	1,568,292,000	1,568,292,000	1,568,292,000	CT TNHH MTV TM và XD 26-3	Xã Đắc Pring



7	Đường giao thông từ Quốc Lộ 14D nối đường liên thôn La Bơ - Xã Chà Val (từ Quốc Lộ 14D thôn A Dinh đi đường liên thôn La Bơ)	4,036,370,000	4,047,113,000	3,974,791,000	4,047,113,000	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tâm Tiến	Xã Nam Giang
8	Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vâng	8,994,796,000	8,831,261,000	8,831,261,000	8,831,261,000	Liên danh Công ty TNHH xây dựng Phúc Thịnh - Tiến Lợi	Xã Đắc Pring
9	Kiên cố hóa đường giao thông đến trung tâm xã. ĐH4.NG (Km64 - La Êê - Chợ Chun)	3,542,000,000	2,611,276,000	2,611,276,000	2,558,513,000	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Phú Toàn	Xã La Êê-La Ê Ê
10	Kiên cố hóa tuyến đường ĐH3.NG; HM: Kiên cố hóa tuyến đường, lề đường và mương thoát nước hồ	12,558,246,000	12,126,250,000	12,126,250,000	12,126,250,000	Công ty TNHH xây dựng Nghĩa Thành	Xã Nam Giang -Đ.Pring
11	Trường PTDT bán trú Tiểu học liên xã La Êê - Chợ Chun; HM: San nền, nhà đa năng, khối hiệu bộ	5,010,184,000	4,979,739,000	4,621,741,000	4,979,739,000	Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Liên Việt	Xã La Ê
12	Trường PTDTBT Tiểu học liên xã La Êê - Chợ Chun; HM: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên	4,858,169,000	4,798,146,000	4,456,914,000	4,798,146,000	Công ty TNHH Phước Hải	Xã La Ê
13	Đường GTNT thôn 56A-56B, xã Đắc Pre	3,654,474,000	3,654,474,000	3,654,474,000	3,654,474,000	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại 24-4	Xã Đắc Pring

14	Đường giao thông khu trung tâm hành chính mới (trước HU - HĐND UBND huyện)	9,443,598,000	8,368,918,000	8,302,163,000	8,368,918,000	Công ty Cổ phần xây dựng Quang Đại Việt	Xã Thạnh Mỹ
15	Đường và cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Giăng , xã Cà Dy	5,000,000,000	4,367,573,000	4,266,041,000	4,269,103,000	Công ty TNHH MTV Thủy Tiên Phú -77	Xã Bến Giăng





PHỤ LỤC 06

(kèm theo KLTT số 1863/KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

**SAI PHẠM TRONG CÔNG TÁC THI CÔNG, NGHIỆM THU VÀ THANH QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH DO BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC NAM GIANG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**

đvt:đồng

STT	Công trình	Nội dung sai phạm	Tổng số tiền sai phạm (giá trị trước thuế)	Đơn vị thi công	Đơn vị giám sát
1	Đường giao thông nông thôn thôn 56A-56B, xã Đắc Pre	Cắt khe thiếu (3cm/5cm), không thi công khe dẫn; Cắt khe thiếu (3cm/5cm) dẫn đến thiếu khối lượng;Cắt khe Không sử dụng ván khuôn	34,110,000	Công ty TNHH MTV TM&XD 24-4 và Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Phước Sơn	Công ty CP Tư vấn thiết kế kiểm định xây dựng Minh Châu
2	Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vâng	Thiếu BTXM rãnh dọc (13,5cm); Cắt khe 2cm/5cm; Không có gỗ, tính theo khối lượng bê tông mặt đường.	62,251,000	Công ty TNHH Tiến Lợi Công ty TNHH Phúc Thịnh	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group
3	Kiên cố hoá tuyến đường ĐH3.NG, Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường, lề đường và mương thoát nước hở	Không có lớp đệm cát 2cm; Cắt khe thiếu (3cm/6cm), rót nhựa đường thiếu; Không thi công gỗ khe dẫn; Thiếu lớp đệm vữa XM thành mương dày 2cm, mác 100	324,800,000	Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	Công ty Cổ phần Xây dựng Nguyên Đạt
4	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ga lê	Cắt khe thiếu (3cm/5cm) dẫn đến thiếu khối lượng cắt khe, thiếu nhựa đường cửa khe co giả không có gỗ chèn khe;	31,629,000	Công ty TNHH Xây dựng & Dịch vụ Đất Quảng	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group
5	Đường GTNT thôn 48 - 49A, xã Đắc Pring	Không có gỗ chèn khe, giảm trừ nhựa đường do chỉ có cắt khe co 1cm, không có khe giãn Cắt khe co 1cm, thiết kế 5cm, trung bình 5m có 1 khe co; Không thi công ván khuôn	61,840,000	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng 26-3	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Đăng Tuyền

6	Kiến cổ hóa đường giao thông (KM64 - La ê ê chợ chun) đến Trung tâm xã DH4.NG	Sai thiết kế (không gõ ván, nhừa đường cho khe co chỉ có 2cm/khe co) Khe co chỉ có 2cm/khe	35,245,835	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phú Toàn	Công ty CP Trần Lê Nguyễn
7	Đường ra vùng sản xuất Pá Ong, xã Cà Dy	Thi công thực tế cắt thiếu 2,5 cm so với bản vẽ hoàn công	19,460,000	Công ty TNHH Xây dựng Tiến Lợi	Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Kiểm định xây dựng Minh Châu
8	Đường và Cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Bên Giảng, xã Cà Dy	Bê tông M150 đã 1*2 móng cọc tiêu chưa đảm bảo; Cắt khe co, khe giãn và Gia cố rãnh dọc (ván khuôn) không đảm bảo.	89,154,000	Công ty TNHH MTV Thủy Tiến Phú 77	Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group
9	Đường Giao thông từ QL14D nối đường liên thôn La Bơ	Thi công thực tế 2,5/5cm của khe co mặt đường. Thi công thực tế 2,5/5cm của khe giãn mặt đường.	30,403,000	Công ty TNHH XD và Thương mại Tâm Tiến	Công ty TNHH TVXD Bàng Tuyển
10	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Đặc tôi	Cắt khe co, khe giãn 4cm/5cm	33,576,000	Công ty TNHH MTV TM&XD 24-4	Công ty CP Trần Lê Nguyễn
		Cắt khe co, khe giãn 4cm/5cm	70,109,000	Công ty Cổ phần XD 368 Trương Sơn	Công ty CP Trần Lê Nguyễn
11	Trường PTDT bán trú tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun, Hàng mục: Sân nền, nhà đa năng, khởi hiệu bộ	Thông kê thép tính thừa dẫn đến dư toàn tính thừa so với bản vẽ thiết kế phê duyệt; Thiếu khối lượng so với quyết toán	11,221,000	Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng Liên Việt	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group
12	Trường PTDT bán trú Tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun, Hàng mục: Tường rào, công ngô, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên	Thông kê thép tính thừa dẫn đến dư toàn tính thừa so với bản vẽ thiết kế; Thiếu khối lượng so với quyết toán	14,633,000	Công ty TNHH Phước Hải	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group

13	Công trình: Trường tiểu học Tà Bhing Hạng mục: 08 phòng (gồm 2 phòng chức năng, 6 phòng học), tường rào, cổng ngõ, sân nền	Quyết toán khối lượng cốt thép các loại cấu kiện có tính thêm khối lượng cốt thép hao hụt 5% là chưa đảm bảo cơ sở pháp lý. Quyết toán khối lượng xà gồ thép, bê tông giằng móng, tấm đan mương, đan hồ ga, khung sắt bảo vệ cửa sổ vượt so với bản vẽ thiết kế thi công được duyệt và thực tế thi công	46,362,000	Công ty TNHH Phước Hải	Công ty CP XDTV và TM Khánh Gia Nguyễn
14	Công trình: Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thạnh Mỹ, Thị trấn Thạnh Mỹ	Quyết toán khối lượng đất đào móng công trình, khối lượng gia công, lắp dựng xà gồ thép vượt so với bản vẽ thiết kế thi công được duyệt và thực tế thi công.	10,527,000	Công ty TNHH Xây dựng TM & DV Minh Đạt	Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phước 7 Group
		TỔNG CỘNG	875,320,835		



PHỤ LỤC 07
(kèm theo KLTT số 4863/KL-TTTP ngày 29/12/2025 của Chánh Thanh tra thành phố)

BẢNG TỔNG HỢP SAI PHẠM VỀ KINH TẾ
TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC NAM GIANG

đvt: đồng

STT	Nội dung sai phạm	Số tiền sai phạm	Đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm	Kiến nghị xử lý		
				Thu hồi nộp NSNN	Giảm trừ giá trị quyết toán	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
I	Quản lý, sử dụng nguồn chi phí BQL	92,108,000				
1	Không thực hiện trích lập bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	84,908,000	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang			84,908,000
2	Dùng quỹ phúc lợi chi hỗ trợ viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn năm 2023	7,200,000	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Nam Giang	7,200,000		
II	Sai phạm trong công tác thi công, quyết toán công trình	875,320,835		875,320,835		
1	Đường giao thông nông thôn thôn 56A-56B, xã Đắc Pre	12,575,000	Công ty TNHH MTV TM&XD 24-4	12,575,000		
		21,535,000	Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại - Dịch vụ Phước Sơn	21,535,000		
2	Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vâng	62,251,000	Công ty TNHH Tiến Lợi (nhà thầu chính)	62,251,000		
3	Kiên cố hoá tuyến đường ĐH3.NG, Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường, lề đường và mương thoát nước hồ	324,800,000	Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	324,800,000		
4	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Ga lê	31,629,000	Công ty TNHH Xây dựng & Dịch vụ Đất Quảng	31,629,000		
5	Đường GTNT thôn 48 - 49A, xã Đắc Pring	61,840,000	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng 26-3	61,840,000		



6	Kiên cố hóa đường giao thông đến Trung tâm xã DH4.NG (KM64 - La ê ê chợ chun)	35,245,835	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phú Toàn	35,245,835		
7	Đường ra vùng sản xuất Pà Ong, xã Cà Dy	19,460,000	Công ty TNHH Xây dựng Tiến Lợi	19,460,000		
8	Đường và Cầu treo ra vùng sản xuất thôn Bến Giăng, xã Cà Dy	89,154,000	Công ty TNHH MTV Thủy Tiên Phú 77	89,154,000		
9	Đường Giao thông từ QL14D nối đường liên thôn La Bơ	30,403,000	Công ty TNHH XD và Thương mại Tâm Tiến	30,403,000		
10	Kiên cố hóa đường GTNT xã Đắc tôi	33,576,000	Công ty TNHH MTV TM&XD 24-4	33,576,000		
		70,109,000	Công ty Cổ phần XD 368 Trường Sơn	70,109,000		
11	Trường PTDT bán trú tiểu học liên xã La Ê - Chợ Chun, Hạng mục: Sân nền, nhà đa năng, khối hiệu bộ	11,221,000	Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng Liên Việt	11,221,000		
12	Trường PTDT bán trú Tiểu học liên xã La Êê - Chợ Chun, Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền, 04 phòng học bộ môn và 04 phòng công vụ giáo viên	14,633,000	Công ty TNHH Phước Hải	14,633,000		
13	Công trình: Trường tiểu học Tà Bhing Hạng mục: 08 phòng (gồm 2 phòng chức năng, 6 phòng học), tường rào, cổng ngõ, sân nền	46,362,000	Công ty TNHH Phước Hải	46,362,000		
14	Công trình: Khu thư viện, bảo tàng sân vận động thôn Thạnh Mỹ, Thị trấn Thạnh Mỹ	10,527,000	Công ty TNHH Xây dựng TM & DV Minh Đạt	10,527,000		
Tổng cộng		967,428,835		882,520,835		84,908,000

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA



Lê Văn Phương



CHÁNH THANH TRA



Trần Thắng Lợi